TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 266/2020/HNGĐ-ST
Ngày : 18/06/2020
V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Hoài Phương**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phạm Thị Kim Dung** và ông **Lê Minh Mãi**
Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Quang Huy** – Thư ký Tòa án nhân dân quận B ghi biên bản phiên tòa.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 06 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 121/2019/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 03 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 05 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 05 năm 2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Lê Minh N**, sinh năm 1974. Hộ khẩu thường trú và hiện ở tại: nhà 4A ngách 23/35 phố G, phường K, quận B, thành phố H (Bà N có mặt tại phiên toà).

- Người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn – ông **Phạm Hồng H** – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Q – Đoàn luật sư thành phố H (Luật sư H có mặt tại phiên toà).

* Bị đơn: Ông **Nguyễn Anh D**, sinh năm 1965. Hộ khẩu thường trú và hiện ở tại: nhà 4A ngách 23/35 phố G, phường K, quận B, thành phố H (Ông D vắng mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 10 năm 2017 và tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bà Lê Minh N trình bày như sau:

Bà và ông Nguyễn Anh D tự nguyện tìm hiểu trong thời gian 5 năm, sau đó lấy nhau và có đăng ký kết hôn ngày 08/12/1999 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T nay là phường Đ, quận B, thành phố H.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống tại gia đình nhà chồng tại xóm 2 xã Đ (nay là số 9 ngõ 35 đường Đ, quận B, thành phố H) được 2 năm. Đến năm 2001, thì sống ở

tại nhà bố mẹ vợ tại số 9A phố C, quận H, thành phố H. Đến tháng 12 năm 2012, vợ chồng về ở tại nhà 4A ngách 23/35 phố G, phường K, quận B, thành phố H từ đó đến nay.

Quá trình chung sống, thời gian đầu thì vợ chồng hạnh phúc; sau đó đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông D thường xuyên vắng nhà, không về đúng bữa, thỉnh thoảng không ngủ ở nhà. Mâu thuẫn kéo dài dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau không thể hòa giải đến năm 2010 vợ chồng bà đã đồng thuận việc ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H; Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nên bà đã rút đơn để ông D thay đổi sửa chữa. Thực tế, ông bà cũng không thay đổi được tình trạng và mâu thuẫn kéo dài làm ảnh hưởng đến các con. Tháng 8/2017, bà và ông D lại quyết định thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân Q, thành phố H; tuy nhiên sau đó ông D lại thay đổi quan điểm không đồng ý nên bà lại phải rút đơn ly hôn. Từ đó đến nay vợ chồng cũng không cải thiện được tình hình và sống ly thân từ tháng 4 năm 2017 đến nay. Tháng 8 năm 2017, bà làm đơn xin ly hôn, mặc dù bà và ông D vẫn sống cùng 1 nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, không ai trao đổi với nhau một câu và nếu có thì lại mâu thuẫn cãi nhau. Sau này bà không nói gì với ông D nữa để tránh xúc phạm nhau.

Khoảng giữa năm 2019, có một lần ông D đi chơi về có uống rượu say khi về đã gây sự với bà; ông D lên tầng 2 đạp gẫy cửa phòng và xông vào bóp cổ bà, sợ quá bà kêu ầm lên thì các con chạy xuống; sự việc trên có hàng xóm biết có báo Công an và can ngăn tuy nhiên bà không đi khám thương nên cũng không có tài liệu gì xuất trình cho Tòa án.

Bà thấy cuộc sống chung vợ chồng đối với bà ngột ngạt, rất nặng nề vì vụ án đã thụ lý được 3 năm nay khiến cho sức khỏe và tinh thần bà bị ảnh hưởng. Bà xác định không còn tình cảm với ông D nên đề nên đề nghị Tòa án B giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

- Về con chung: ông bà có 02 người con chung là:

+ Nguyễn Lê Mỹ L, sinh năm 1999

+ Nguyễn Lê Khánh L, sinh ngày: 09/09/2002.

Con lớn đã trưởng thành.

Trước đây, khi mới làm đơn ly hôn các con còn nhỏ nên bà yêu cầu được nuôi cả hai con chung, có yêu cầu ông D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung. Nay con đã lớn thì đối với con Nguyễn Lê Khánh L thì giải quyết theo nguyệt vọng của con; nếu ở với ông D thì bà đóng góp nuôi con chung; còn nếu con ở với bà thì bà không yêu cầu ông D phải đóng góp nuôi con.

- Về tài sản chung, nhà đất ở chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,*** trong quá trình giải quyết Toà án đã tống đạt giấy báo đến Tòa, thông báo việc kiểm tra, giao nộp, tiếp cận chứng cứ và hoà giải cho các đương sự nhưng bị đơn – ông Nguyễn Anh D không đến Tòa án hòa giải.

Tại đơn đề nghị hoãn phiên họp đề ngày 17/02/2020 và Giấy tự khai ngày 18/02/2020 ông D trình bày: ông và bà Lê Minh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm

hiểu, có tổ chức lễ cưới tháng 10/1997 nhưng đến ngày 18/12/1999 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T (nay là phường Đ, quận B), thành phố H. Kể từ khi kết hôn đến nay ông bà chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng bình thường như mọi gia đình khác. Giữa ông và bà N không hề có việc đánh cãi, chửi nhau như bà N trình bày. Ông bà vẫn chung sống tại nhà 4A ngách 23/35 phố G, phường K, quận B, thành phố H. Những nguyên nhân mà bà N trình bày với Tòa án để làm căn cứ xin ly hôn là không đúng thực tế cuộc sống của ông bà. Ông xác định cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng vẫn còn, nguyên nhân xin ly hôn của bà N là không đúng thực tế. Ông không đồng ý ly hôn với bà N.

- Về con chung: ông bà có 02 người con chung là:

+ Nguyễn Lê Mỹ L, sinh năm 1999

+ Nguyễn Lê Khánh L, sinh ngày: 09/09/2002.

Con Mỹ L đã trưởng thành. Ông không có tranh chấp gì về con chung. Ông trình bày tự thỏa thuận về con chung, nếu không thỏa thuận được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nhà đất ở chung: Ông trình bày tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về khoản nợ chung: Ông trình bày tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay: bà N giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Anh D vì tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay không thể tiếp tục chung sống. Về con chung – ông bà có 02 con chung là Nguyễn Lê Mỹ L và cháu Nguyễn Lê Khánh L. Cháu Nguyễn Lê Mỹ L đã trưởng thành nên cháu ở với ai thì ở bà không yêu cầu tòa án giải quyết; bà xin được trực tiếp nuôi cháu Khánh L vì theo nguyện vọng của cháu cũng xin ở với mẹ và không yêu cầu ông D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết vấn đề về tài sản chung và vay nợ chung. Nợ riêng của ai thì người đó tự trả.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn - Luật sư Phạm Hồng H đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ và sự thật quyết định cho bà Lê Minh N được ly hôn ông Nguyễn Anh D vì không còn tình cảm vợ chồng, mẫu thuẫn kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành hòa giải, thu thập chứng cứ và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Về thời hạn chuẩn bị xét xử vi phạm Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: từ khi thụ lý vụ án đến khi phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện các quy định của Bộ

luật Tố tụng Dân sự; bị đơn không chấp hành pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo theo các quy định của Bộ Luật tố tụng Dân sự 2015.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ áp dụng pháp luật để xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Minh N. Bà N được ly hôn với ông D. Ông bà có 02 con chung là Nguyễn Lê Mỹ L và cháu Nguyễn Lê Khánh L. Cháu Nguyễn Lê Mỹ L đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết; Giao cho bà N được trực tiếp nuôi cháu Khánh L; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông D kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung tròn18 tuổi hoặc có sự thay dổi khác. Ông D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Về tài sản, nhà ở và nợ chung: bà N trình bày không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tuyên nguyên đơn chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 của Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn ông Nguyễn Anh D có nơi cư trú tại nhà 4A ngách 23/35 phố G, phường K, quận B, thành phố H. Do vậy, Tòa án nhân dân quận B thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình về "tranh chấp ly hôn" là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: bị đơn - ông Nguyễn Anh D đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. C¨n cø khoản 2 Điều 227, kho¶n 3 §iÒu 228 Bé luËt tè tông d©n sù năm 2015, Héi ®ång xÐt xö tiÕn hµnh xÐt xö vụ án v¾ng mÆt bị đơn.

[3]. Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Xét quan hệ hôn nhân, giữa bà Lê Minh N và ông Nguyễn Anh D có tổ chức cưới hỏi theo phong tục cổ truyền và có đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 12 năm 1999 tại UBND xã Đ, huyện T, thành phố H (nay là phường Đ, quận B, thành phố H), đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà N xin ly hôn ông D vì cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cách sống của ông D gây căng thẳng khi chung sống khiến bà không thể tiếp tục chung sống được. Bà xác định vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay, bà xin ly hôn với ông D vì tình cảm của không còn, không thể hoà giải đoàn tụ.

Bà Lê Thị Minh H đại diện gia đình bà N cho biết: "việc vợ chồng bà N ông D mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì không nắm được, lúc đầu thì bà N giấu gia đình tự mình chịu đựng nhưng sau đó có cho gia đình biết ông bà có mâu thuẫn do ông D mải chơi, không chăm lo gia đình vợ con. Ông bà đã hòa giải nhưng không cải thiện được, mâu thuẫn kéo dài đã ảnh hưởng đến tinh thần và sức khỏe của bà N. Nay bà N xin ly hôn thì đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của bà N cho bà được ly hôn với ông D. Ông bà có 02 con chung là Nguyễn Lê Mỹ L và cháu Nguyễn Lê

Khánh L; cháu Mỹ L đã trưởng thành; cháu Khánh L thì đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của cháu. Gia đình không nắm được ông bà có tài sản, nhà đất hay vay nợ gì chung".

Xét thấy, quan hệ vợ chồng cần sự yêu thương, chia sẻ, quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau giữa vợ và chồng như quy định theo §iÒu 19 LuËt H«n nh©n vµ gia ®×nh n¨m 2014 thì vì chẳng ph¶i cã "*nghÜa vô th-¬ng y³u, chung thñy, t«n träng, quan t©m, ch¨m sãc, gióp ®ì nhau, cïng nhau chia sÎ, thùc hiÖn c¸c c«ng viÖc trong gia ®×nh*" và "*vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác ...".* Khi vợ chồng có mâu thuẫn, bà N không nói chuyện hay chia sẻ được với ông D; phía ông D cũng không có phương án hòa giải dẫn đến việc ông bà sống ly thân, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, xa cách. Quá trình bà N làm đơn xin ly hôn, ông D mặc dù không đồng ý ly hôn vì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng ông không tham gia phiên hòa giải, cũng không đưa ra được biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng giữa ông bà. Thời điểm chung sống ông bà đã cùng ký đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gửi đến Tòa án nhân dân quận B, tuy nhiên ngày 29/8/2017 ông bà đã rút đơn nên Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết việc hôn nhân gia đình. Như vậy, cuộc sống chung giữa bà N và ông D đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, ông bà đã nhiều lần muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân này. Tại phiên toà hôm nay, ông D vắng mặt chứng tỏ ông kh«ng thiÖn chÝ muèn vì chẳng ®oµn tô; Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Việc bà N xin ly hôn đơn phương là quyền của công dân nªn chÊp nhËn y³u cÇu xin ly h«n cña bà N ®èi víi ông D lµ phï hîp víi quy ®Þnh t¹i ĐiÒu 51, 56 của LuËt H«n nh©n vµ gia ®×nh n¨m 2014. Bà Lê Minh N được ly hôn ông Nguyễn Anh D.

Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về yêu cầu nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung của nguyên đơn:

Ông bà có hai con chung là Nguyễn Lê Mỹ L, sinh năm 1999 và cháu Nguyễn Lê Khánh L, sinh ngày: 09/09/2002.

Cháu Nguyễn Lê Mỹ L đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét nguyện vọng xin nuôi con chung là cháu Nguyễn Lê Khánh L, sinh ngày: 09/09/2002 của bà N cũng phù hợp với ý kiến của cháu Khánh L nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở vì cháu là con gái nên cần có sự quan tâm chăm sóc giáo dục của mẹ; nhằm ổn định tâm lý cũng như sinh hoạt và học tập của cháu nên giao cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Lê Khánh L kể từ ngày 18/06/2020. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông D cho đến khi cháu Khánh L trưởng thành (tròn 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Ông Nguyễn Anh D có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

[5]. Về tài sản chung nhà đất ở chung:

Bà Nguyệt và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về vay nợ chung:

Bà N và ông D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nợ riêng của ai thì người đó tự trả.

[7]. Về án phí và quyền kháng cáo:

Bà Nguyệt phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà N và ông D có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 19, 51, 56,58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

I. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Minh N đối với ông Nguyễn Anh D.

Bà Lê Minh N được ly hôn với ông Nguyễn Anh D**.**

II. Về con chung:

Bà Nguyệt và ông D có hai con chung là:

+ Nguyễn Lê Mỹ L, sinh năm 1999

+ Nguyễn Lê Khánh L, sinh ngày: 09/09/2002.

Cháu Nguyễn Lê Mỹ L đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Giao Nguyễn Lê Khánh L, sinh ngày: 09/09/2002 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày 18/06/2020. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông D cho đến khi cháu Khánh L trưởng thành (tròn 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Ông Nguyễn Anh D có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

III. Về tài sản chung, nhà đất ở chung: Bà N và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

IV. Về vay nợ chung: Bà N và ông D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

V. Về án phí sơ thẩm:

Bà Lê Minh N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 05682 ngày 26 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

VI. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, bà Lê Minh N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Anh D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- UBND p. Đ, quận B, Tp. H
- VKSND quận B

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

- Chi cục thi hành án DS quận B.
- Tòa án NDTP H
- VKSND TP H
- Lưu hồ sơ, văn phòng

TÒA

NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG